

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA TUYỂN SINH 2021
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2021-2022
(Chính thức)

Lưu ý: mỗi ký tự của dãy 123456789012345...(trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ. Tuần 1 bắt đầu từ ngày 02/08/2021.

Ký tự "1" đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
1	31151006	Giải tích thực một biến	21-0101	5	Phạm Quý Mừi	21ST1	B3-105	7	Sáng	1	3	-----9012345678901---
2	31151006	Giải tích thực một biến	21-0101	5	Phạm Quý Mừi	21ST1	B3-404	5	Chiều	6	2	-----9012345678901---
3	31151139	Đại số tuyến tính	21-0101	5	Nguyễn Ngọc Châu	21ST1	B3-105	2	Chiều	6	3	-----9012345678901---
4	31151139	Đại số tuyến tính	21-0101	5	Nguyễn Ngọc Châu	21ST1	B3-404	4	Sáng	1	2	-----9012345678901---
5	31221885	Tin học đại cương	21-0101	2	Trần Văn Hưng	21ST1	A5-305	2	Sáng	1	3	-----9012345678901---
6	32041719	Tâm lý học giáo dục	21-0102	4	Lê Thị Ngọc Lan	21ST1	B3-105	3	Chiều	6	4	-----9012345678901---
7	31151006	Giải tích thực một biến	21-0102	5	Phạm Quý Mừi	21ST2	B3-105	7	Sáng	4	2	-----9012345678901---
8	31151006	Giải tích thực một biến	21-0102	5	Phạm Quý Mừi	21ST2	B3-404	3	Chiều	6	3	-----9012345678901---
9	31151139	Đại số tuyến tính	21-0102	5	Nguyễn Ngọc Châu	21ST2	B3-105	4	Chiều	6	3	-----9012345678901---
10	31151139	Đại số tuyến tính	21-0102	5	Nguyễn Ngọc Châu	21ST2	B3-404	2	Sáng	1	2	-----9012345678901---
11	31221885	Tin học đại cương	21-0102	2	Hồ Ngọc Tú	21ST2	A5-305	2	Chiều	6	3	-----9012345678901---
12	32041719	Tâm lý học giáo dục	21-0103	4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21ST2	B3-105	5	Chiều	6	4	-----9012345678901---
13	31121994	Xác suất thống kê	21-0102	2	Tôn Thất Tú	21CNTT1	B3-206	2	Sáng	4	2	-----9012345678901---
14	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	21-0102	3	Ngô Thị Bích Thuý	21CNTT1	B3-101	5	Sáng	3	3	-----9012345678901---
15	31231363	Kiến trúc máy tính	21-0101	3	Đoàn Duy Bình	21CNTT1	B3-101	2	Sáng	1	3	-----9012345678901---
16	31231389	Lập trình C/C++ căn bản	21-0102	3	Nguyễn Đình Lầu	21CNTT1	A5-206	2	Chiều	6	3	-----9012345678901---
17	31241014	Toán rời rạc	21-0101	4	Nguyễn Đình Lầu	21CNTT1	A5-209	3	Sáng	2	4	-----9012345678901---
18	31121994	Xác suất thống kê	21-0103	2	Tôn Thất Tú	21CNTT2	B3-206	2	Sáng	1	2	-----9012345678901---
19	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	21-0103	3	Ngô Thị Bích Thuý	21CNTT2	B3-306	2	Chiều	6	3	-----9012345678901---
20	31231363	Kiến trúc máy tính	21-0102	3	Vũ Thị Trà	21CNTT2	A5-402	2	Sáng	3	3	-----9012345678901---
21	31231389	Lập trình C/C++ căn bản	21-0103	3	Phạm Anh Phương	21CNTT2	B3-206	3	Chiều	6	3	-----9012345678901---
22	31241014	Toán rời rạc	21-0102	4	Phạm Anh Phương	21CNTT2	B3-206	4	Sáng	1	4	-----9012345678901---
23	31138004	Toán cơ sở	21-0101	3	Nguyễn Thị Sinh	21CNTTC	A5-404B	5	Chiều	6	3	-----9012345678901---
24	31138006	Xác suất thống kê	21-0101	3	Lê Văn Dũng	21CNTTC	A5-404B	6	Chiều	6	3	-----9012345678901---
25	31238004	Kiến trúc máy tính	21-0101	3	Vũ Thị Trà	21CNTTC	A5-404A	3	Sáng	3	3	-----9012345678901---
26	31248025	Lập trình cơ sở	21-0101	4	Phạm Anh Phương	21CNTTC	A5-404B	2	Chiều	6	4	-----9012345678901---
27	31248027	Toán rời rạc	21-0101	4	Nguyễn Đình Lầu	21CNTTC	A5-404B	7	Sáng	2	4	-----9012345678901---
28	31121994	Xác suất thống kê	21-0101	2	Lê Văn Dũng	21SPT	A5-407	5	Chiều	9	2	-----9012345678901---
29	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	21-0101	3	Ngô Thị Bích Thuý	21SPT	A5-401	5	Chiều	6	3	-----9012345678901---

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
30	31231032	Lập trình Scraeth	21-0101	3	Trần Văn Hưng	21SPT	A5-401	3	Chiều	6	3	—————9012345678901—
31	31231389	Lập trình C/C++ căn bản	21-0101	3	Trần Văn Hưng	21SPT	A5-401	6	Chiều	6	3	—————9012345678901—
32	31241014	Toán rời rạc	21-0103	4	Trần Văn Hưng	21SPT	A5-401	6	Sáng	2	4	—————9012345678901—
33	32031255	Giáo dục học	21-0103	3	Lê Thị Hiền	21SPT	A5-407	4	Chiều	6	3	—————9012345678901—
34	31141900	Toán cao cấp 1	21-0101	4	Nguyễn Ngọc Châu	21SVL	B3-201	5	Chiều	6	4	—————9012345678901—
35	31221885	Tin học đại cương	21-0103	2	Lê Văn Mỹ	21SVL	A5-304	4	Chiều	6	3	—————9012345678901—
36	31331009	Nhập môn Vật lí	21-0101	3	Phùng Việt Hải	21SVL	B3-201	2	Chiều	8	3	—————9012345678901—
37	31341069	Cơ học	21-0101	4	Hoàng Đình Triển	21SVL	B3-201	3	Chiều	6	4	—————9012345678901—
38	32041719	Tâm lí học giáo dục	21-0104	4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21SVL	B3-201	4	Sáng	1	4	—————9012345678901—
39	31141001	Toán cơ sở	21-0102	4	Nguyễn Thị Sinh	21CHD	A5-408	2	Sáng	1	4	—————9012345678901—
40	31221885	Tin học đại cương	21-0105	2	Lê Văn Mỹ	21CHD	A5-304	3	Sáng	1	3	—————9012345678901—
41	31331977	Vật lý đại cương	21-0102	3	Lê Thị Minh Phương	21CHD	A5-306	2	Chiều	6	3	—————9012345678901—
42	31421797	Thực hành hóa đại cương	21-0101	2	Đoàn Văn Dương	21CHD	B2-302	4	Chiều	6	5	—————9012345678901—
43	31441299	Hóa đại cương	21-0102	4	Mai Văn Bảy	21CHD	A5-306	5	Sáng	1	4	—————9012345678901—
44	31531678	Sinh học đại cương	21-0102	3	Nguyễn Tấn Lê	21CHD	B3-105	4	Sáng	1	3	—————9012345678901—
45	31148005	Toán cơ sở	21-0101	4	Nguyễn Thị Sinh	21CHDC	A6-501	7	Sáng	1	4	—————9012345678901—
46	31228012	Tin học đại cương	21-0101	2	Nguyễn Hoàng Hải	21CHDC	A5-202	3	Sáng	1	3	—————9012345678901—
47	31228012	Tin học đại cương	21-0101	2	Nguyễn Hoàng Hải	21CHDC	A5-202	5	Chiều	6	2	—————9012345678901—
48	31338002	Vật lý đại cương	21-0101	3	Trần Thị Hương Xuân	21CHDC	A5-202	4	Sáng	1	3	—————9012345678901—
49	31428003	Thực hành hóa đại cương	21-0101	2	Đoàn Văn Dương	21CHDC	B2-302	6	Sáng	1	5	—————9012345678901—
50	31448002	Hóa đại cương	21-0101	4	Mai Văn Bảy	21CHDC	A5-202	2	Chiều	6	4	—————9012345678901—
51	31538001	Sinh học đại cương	21-0101	3	Bùi Thị Thơ	21CHDC	A5-202	2	Sáng	1	3	—————9012345678901—
52	31141001	Toán cơ sở	21-0101	4	Nguyễn Thị Sinh	21SHH	A5-306	4	Chiều	6	4	—————9012345678901—
53	31221885	Tin học đại cương	21-0104	2	Hồ Ngọc Tú	21SHH	A5-304	2	Sáng	1	3	—————9012345678901—
54	31331977	Vật lý đại cương	21-0101	3	Trần Thị Hồng	21SHH	A5-407	5	Sáng	1	3	—————9012345678901—
55	31421006	Nhập môn Khoa học Hoá học	21-0101	2	Trần Đức Mạnh	21SHH	A5-407	4	Sáng	4	2	—————9012345678901—
56	31441299	Hóa đại cương	21-0101	4	Lê Tự Hải	21SHH	A5-406	2	Chiều	6	4	—————9012345678901—
57	31531678	Sinh học đại cương	21-0101	3	Trương Thị Thanh Mai	21SHH	A5-407	6	Chiều	6	3	—————9012345678901—
58	31121004	Giải tích	21-0101	2	Phan Quang Như Anh	21SKT	B4-06	4	Chiều	9	2	—————9012345678901—
59	31121005	Đại số tuyến tính	21-0101	2	Trần Nam Sinh	21SKT	B3-101	4	Chiều	6	2	—————9012345678901—
60	31221885	Tin học đại cương	21-0106	2	Lê Văn Mỹ	21SKT	A5-304	5	Sáng	1	3	—————9012345678901—
61	31421005	Nhập môn ngành Sư phạm Khoa học Tự nhiên	21-0101	2	Trần Đức Mạnh	21SKT	B3-201	7	Sáng	1	3	—————9012345678901—
62	31442259	Hóa học Đại cương	21-0101	4	Vũ Thị Duyên	21SKT	B3-101	5	Chiều	6	4	—————9012345678901—
63	31531005	Di truyền và tiến hóa	21-0101	3	Trương Thị Thanh Mai	21SKT	B3-101	6	Sáng	1	3	—————9012345678901—
64	32041719	Tâm lí học giáo dục	21-0105	4	Hoàng Thế Hải	21SKT	B3-101	3	Chiều	6	4	—————9012345678901—
65	31121994	Xác suất thống kê	21-0104	2	Tôn Thất Tú	21CNSH	A5-407	5	Sáng	4	2	—————9012345678901—
66	31221885	Tin học đại cương	21-0109	2	Nguyễn Hoàng Hải	21CNSH	A5-304	2	Chiều	6	3	—————9012345678901—
67	31321977	Vật lý đại cương	21-0102	2	Nguyễn Thị Minh Ngọc	21CNSH	A5-407	5	Chiều	6	2	—————9012345678901—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
68	31421181	Hóa hữu cơ	21-0101	2	Trần Đức Mạnh	21CNSH	A5-306	4	Sáng	1	2	—9012345678901—
69	31521678	Sinh học đại cương	21-0101	2	Bùi Thị Thơ	21CNSH	A5-407	6	Sáng	4	2	—9012345678901—
70	31521681	Sinh học tế bào	21-0101	2	Võ Châu Tuấn	21CNSH	A5-407	6	Chiều	9	2	—9012345678901—
71	31521815	Thực hành sinh học tế bào	21-0101	2	Lê Thị Mai	21CNSH					4	—9012345678901—
72	31921337	Khoa học môi trường đại cương	21-0101	2	Đoàn Chí Cường	21CNSH	A5-306	2	Chiều	9	2	—9012345678901—
73	31121003	Giải tích và Đại số tuyến tính	21-0101	2	Ngô Thị Bích Thủy	21CTM	B3-204	3	Sáng	1	2	—9012345678901—
74	31221885	Tin học đại cương	21-0108	2	Đoàn Duy Bình	21CTM	A5-206	4	Sáng	1	3	—9012345678901—
75	31521004	Hóa môi trường đại cương	21-0101	2	Võ Thắng Nguyễn	21CTM	A1-201	4	Chiều	8	2	—9012345678901—
76	31521688	Sinh thái học	21-0101	2	Nguyễn Văn Khánh	21CTM	A6-503	5	Chiều	9	2	—9012345678901—
77	31531336	Khoa học Môi trường	21-0101	3	Võ Văn Minh	21CTM	A1-204	3	Sáng	3	3	—9012345678901—
78	31721993	Xã hội học đại cương	21-0102	2	Trần Ái Vân	21CTM	B4-02	5	Chiều	7	2	—9012345678901—
79	31931049	Địa lý đại cương	21-0101	3	Đoàn Thị Thông	21CTM	B4-05	5	Sáng	1	3	—9012345678901—
80	31121994	Xác suất thống kê	21-0105	2	Tôn Thất Tú	21SCN	A5-306	5	Chiều	6	2	—9012345678901—
81	31221885	Tin học đại cương	21-0110	2	Phạm Dương Thu Hằng	21SCN	A5-304	3	Chiều	6	3	—9012345678901—
82	31321007	Vẽ kĩ thuật	21-0101	2	Khoa Sinh - MT	21SCN					2	—9012345678901—
83	31341005	Vật lý đại cương I	21-0101	4	Đinh Thanh Khấn	21SCN	B3-204	7	Sáng	1	4	—9012345678901—
84	31531678	Sinh học đại cương	21-0103	3	Nguyễn Tấn Lê	21SCN	B3-105	5	Sáng	1	3	—9012345678901—
85	31931038	Môi trường và phát triển bền vững	21-0101	3	Phùng Khánh Chuyên	21SCN	A5-306	4	Sáng	3	3	—9012345678901—
86	31221885	Tin học đại cương	21-0107	2	Lê Văn Mỹ	21SS	A5-305	3	Chiều	6	3	—9012345678901—
87	31321008	Cơ sở vật lý trong khoa học sự sống	21-0101	2	Nguyễn Thị Minh Ngọc	21SS	A6-403	7	Sáng	4	2	—9012345678901—
88	31431019	Cơ sở hóa học trong khoa học sự sống	21-0101	3	Võ Thắng Nguyễn	21SS	B3-202	6	Chiều	6	3	—9012345678901—
89	31531003	Thực vật học	21-0101	3	Nguyễn Thị Đào	21SS	A6-502	7	Sáng	1	3	—9012345678901—
90	31531004	Tế bào học	21-0101	3	Trương Thị Thanh Mai	21SS	B3-305	5	Sáng	3	3	—9012345678901—
91	32041719	Tâm lý học giáo dục	21-0106	4	Hoàng Thế Hải	21SS	A6-302	4	Sáng	1	4	—9012345678901—
92	31622059	Nhạc cụ phím điện tử I	21-0101	2	Lê Hưng Tiền	21SAN	C3.101	4	Sáng	4	2	—9012345678901—
93	31622064	Thanh nhạc I	21-0101	2	Nguyễn Hoàng Tinh Uyên	21SAN	C3.101	7	Sáng	1	3	—9012345678901—
94	32041719	Tâm lý học giáo dục	21-0108	4	Hồ Thị Thủy Hằng	21SAN	B3-506	5	Chiều	6	4	—9012345678901—
95	32431002	Lịch sử âm nhạc thế giới	21-0101	3	Hoàng Đình Phương	21SAN	B3-506	4	Chiều	6	3	—9012345678901—
96	32431004	Kỹ xương âm I	21-0101	3	Trương Quang Minh Đức	21SAN	C3.101	6	Sáng	1	3	—9012345678901—
97	32431004	Kỹ xương âm I	21-0101	3	Trương Quang Minh Đức	21SAN	C3.102	2	Chiều	6	3	—9012345678901—
98	32441003	Nhạc lý	21-0101	4	Phan Thị Quỳnh Lam	21SAN	B4-06	3	Chiều	6	4	—9012345678901—
99	31621003	Nhập môn Giáo dục công dân	21-0101	2	Vương Thị Bích Thủy	21SCD	A5-408	3	Chiều	6	2	—9012345678901—
100	31641231	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	21-0101	4	Nguyễn Văn Đông	21SCD	B4-05	6	Sáng	1	4	—9012345678901—
101	32021429	Logic học	21-0103	2	Dương Đình Tùng	21SCD	B3-104	7	Sáng	4	2	—9012345678901—
102	32041719	Tâm lý học giáo dục	21-0109	4	Lê Thị Ngọc Lan	21SCD	A5-408	3	Sáng	1	4	—9012345678901—
103	31621419	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	21-0102	2	Dương Đình Tùng	21SGC	A1-103	4	Chiều	8	2	—9012345678901—
104	31641902	Triết học Mác - Lênin	21-0101	4	Đinh Thị Phượng	21SGC	A6-402	6	Sáng	1	4	—9012345678901—
105	32021429	Logic học	21-0102	2	Dương Đình Tùng	21SGC	B3-205	3	Chiều	6	2	—9012345678901—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
106	32041719	Tâm lý học giáo dục	21-0107	4	Lê Thị Ngọc Lan	21SGC	A6-402	5	Chiều	6	4	—9012345678901—
107	31632014	Đạo đức học	21-0102	3	Đinh Thị Phương	21SGC+	A6-202	6	Chiều	6	3	—9012345678901—
108	31121007	Toán thông kê	21-0101	2	Nguyễn Thị Thu Sương	21SGT	B3-406	6	Sáng	4	2	—9012345678901—
109	31621022	Lịch sử thể dục thể thao	21-0101	2	Đào Thị Thanh Hà	21SGT	B3-406	7	Sáng	4	2	—9012345678901—
110	31631001	Phương pháp giảng dạy và thực hành Điện kinh 1	21-0101	3	Nguyễn Thanh Tùng	21SGT	A5-308	5	Sáng	4	2	—9012345678901—
111	31631001	Phương pháp giảng dạy và thực hành Điện kinh 1	21-0101	3	Nguyễn Thanh Tùng	21SGT	B3-102	3	Chiều	8	3	—9012345678901—
112	31631003	Phương pháp giảng dạy và thực hành Thể dục 1	21-0101	3	Nguyễn Thanh Giang	21SGT	A5-308	4	Chiều	9	2	—9012345678901—
113	31631003	Phương pháp giảng dạy và thực hành Thể dục 1	21-0101	3	Nguyễn Thanh Giang	21SGT	B3-502	2	Sáng	1	3	—9012345678901—
114	32041719	Tâm lý học giáo dục	21-0113	4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21SGT	B4-02	3	Sáng	1	4	—9012345678901—
115	31721002	Mỹ học	21-0105	2	Nguyễn Phương Khánh	21CBC1	B3-101	2	Chiều	6	2	—9012345678901—
116	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0110	2	Lê Đức Luận	21CBC1	B3-303	6	Sáng	4	2	—9012345678901—
117	31731043	Giao tiếp và tạo lập văn bản tiếng Việt	21-0101	3	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	21CBC1	A5-402	4	Sáng	1	3	—9012345678901—
118	31731044	Lịch sử báo chí	21-0101	3	Phạm Thị Thu Hà	21CBC1	A5-308	2	Sáng	1	3	—9012345678901—
119	31731073	Lý thuyết truyền thông	21-0101	3	Trần Thị Hòa	21CBC1	B3-403	7	Sáng	1	3	—9012345678901—
120	31732087	Cơ sở lý luận báo chí	21-0101	3	Phạm Thị Hương	21CBC1	A5-308	3	Chiều	6	3	—9012345678901—
121	31721002	Mỹ học	21-0106	2	Nguyễn Phương Khánh	21CBC2	B3-101	2	Chiều	8	2	—9012345678901—
122	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0111	2	Lê Đức Luận	21CBC2	B3-303	6	Chiều	9	2	—9012345678901—
123	31731043	Giao tiếp và tạo lập văn bản tiếng Việt	21-0102	3	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	21CBC2	A5-402	5	Sáng	1	3	—9012345678901—
124	31731044	Lịch sử báo chí	21-0102	3	Phạm Thị Thu Hà	21CBC2	A5-402	3	Chiều	6	3	—9012345678901—
125	31731073	Lý thuyết truyền thông	21-0102	3	Trần Thị Hòa	21CBC2	B3-302	2	Sáng	1	3	—9012345678901—
126	31732087	Cơ sở lý luận báo chí	21-0102	3	Phạm Thị Hương	21CBC2	A5-402	3	Sáng	1	3	—9012345678901—
127	31728001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0101	2	Phạm Thị Tú Trinh	21CBCC	A5-404B	2	Sáng	1	2	—9012345678901—
128	31728008	Mỹ học	21-0101	2	Nguyễn Thanh Trường	21CBCC	A6-501	3	Chiều	7	2	—9012345678901—
129	31738007	Cơ sở lý luận báo chí	21-0101	3	Phạm Thị Hương	21CBCC	A5-404B	2	Sáng	3	3	—9012345678901—
130	31738009	Giao tiếp và tạo lập văn bản tiếng Việt	21-0101	3	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	21CBCC	A5-404B	3	Sáng	1	3	—9012345678901—
131	31738010	Lịch sử báo chí	21-0101	3	Phạm Thị Thu Hà	21CBCC	A5-404B	4	Sáng	1	3	—9012345678901—
132	31838031	Lý thuyết truyền thông	21-0101	3	Trần Thị Hòa	21CBCC	A5-404B	4	Chiều	6	3	—9012345678901—
133	31721002	Mỹ học	21-0103	2	Phạm Thị Thu Hương	21CVH	B3-507	5	Chiều	6	2	—9012345678901—
134	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0108	2	Lê Đức Luận	21CVH	B3-204	2	Sáng	1	2	—9012345678901—
135	31731140	Dẫn luận ngôn ngữ học	21-0101	3	Trần Văn Sáng	21CVH	B4-06	2	Chiều	6	3	—9012345678901—
136	31731506	Nhập môn lý luận văn học	21-0103	3	Nguyễn Thanh Trường	21CVH	B3-205	5	Sáng	1	3	—9012345678901—
137	31731958	Văn học dân gian Việt Nam	21-0101	3	Đàm Nghĩa Hiếu	21CVH	B3-304	3	Chiều	6	3	—9012345678901—
138	31732153	Hán văn cơ sở	21-0102	3	Hoàng Hoài Thương	21CVH	B3-304	4	Sáng	1	3	—9012345678901—
139	31721002	Mỹ học	21-0104	2	Nguyễn Thanh Trường	21CVHH	A1-203	4	Chiều	6	2	—9012345678901—
140	31721019	Giao tiếp và tạo lập văn bản tiếng Việt	21-0101	2	Trịnh Quỳnh Đông Nghi	21CVHH	B4-02	6	Sáng	3	2	—9012345678901—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
141	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0109	2	Hoàng Thị Mai Sa	21CVHH	A1-204	6	Chiều	8	2	—9012345678901—
142	31731022	Lí thuyết văn hóa	21-0101	3	Phạm Thị Tú Trinh	21CVHH	B3-304	5	Chiều	6	3	—9012345678901—
143	31732153	Hán văn cơ sở	21-0103	3	Hoàng Hoài Thương	21CVHH	B3-304	5	Sáng	1	3	—9012345678901—
144	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	21-0101	2	Trương Trung Phương	21CVHH	B3-104	2	Chiều	9	2	—9012345678901—
145	31831424	Lịch sử Việt Nam đại cương	21-0101	3	Trương Anh Thuận	21CVHH	B3-304	2	Chiều	6	3	—9012345678901—
146	31721002	Mỹ học	21-0101	2	Bùi Bích Hạnh	21SNV1	A1-203	4	Sáng	2	2	—9012345678901—
147	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0106	2	Phạm Thị Tú Trinh	21SNV1	A6-202	3	Sáng	3	2	—9012345678901—
148	31721140	Dẫn luận ngôn ngữ học	21-0101	2	Trần Văn Sáng	21SNV1	B3-105	5	Sáng	4	2	—9012345678901—
149	31731067	Văn học dân gian người Việt	21-0101	3	Đàm Nghĩa Hiểu	21SNV1	B3-404	2	Chiều	6	3	—9012345678901—
150	31731506	Nhập môn lí luận văn học	21-0101	3	Nguyễn Thanh Trường	21SNV1	B3-204	2	Sáng	3	3	—9012345678901—
151	32041719	Tâm lí học giáo dục	21-0110	4	Nguyễn Thị Phương Trang	21SNV1	B3-105	6	Chiều	6	4	—9012345678901—
152	31721002	Mỹ học	21-0102	2	Bùi Bích Hạnh	21SNV2	A1-203	4	Sáng	4	2	—9012345678901—
153	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0107	2	Phạm Thị Tú Trinh	21SNV2	A1-103	4	Sáng	1	2	—9012345678901—
154	31721140	Dẫn luận ngôn ngữ học	21-0102	2	Trần Văn Sáng	21SNV2	A6-402	5	Sáng	2	2	—9012345678901—
155	31731067	Văn học dân gian người Việt	21-0102	3	Đàm Nghĩa Hiểu	21SNV2	B3-404	4	Chiều	6	3	—9012345678901—
156	31731506	Nhập môn lí luận văn học	21-0102	3	Nguyễn Thanh Trường	21SNV2	B3-303	5	Chiều	8	3	—9012345678901—
157	32041719	Tâm lí học giáo dục	21-0111	4	Hoàng Thế Hải	21SNV2	B3-404	3	Sáng	1	4	—9012345678901—
158	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0103	3	Lê Thị Thu Hiền	21CLS	B3-504	2	Chiều	6	3	—9012345678901—
159	31831005	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	21-0102	3	Trần Thị Mai An	21CLS	B3-504	5	Sáng	1	3	—9012345678901—
160	31831006	Lí luận khoa học Lịch sử	21-0102	3	Trương Anh Thuận	21CLS	B3-504	5	Chiều	6	3	—9012345678901—
161	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	21-0102	3	Đặng Thị Thùy Dương	21CLS	B3-205	7	Sáng	1	3	—9012345678901—
162	31841415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	21-0102	4	Lê Thị Mai	21CLS	B3-504	4	Chiều	6	4	—9012345678901—
163	31841423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	21-0102	4	Trương Anh Thuận	21CLS	B3-504	4	Sáng	1	4	—9012345678901—
164	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0101	3	Lê Thị Thu Hiền	21CVNH1	A6-202	4	Chiều	6	3	—9012345678901—
165	31831010	Lịch sử thế giới đại cương	21-0101	3	Đặng Thị Thùy Dương	21CVNH1	B3-206	6	Chiều	6	3	—9012345678901—
166	31831011	Nhập môn Khoa học du lịch	21-0101	3	Trần Thị Mai An	21CVNH1	B3-206	6	Sáng	1	3	—9012345678901—
167	31831424	Lịch sử Việt Nam đại cương	21-0102	3	Nguyễn Minh Phương	21CVNH1	A5-308	3	Sáng	3	3	—9012345678901—
168	31831939	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	21-0101	3	Tăng Chánh Tín	21CVNH1	B3-206	5	Chiều	6	3	—9012345678901—
169	31921051	Địa lý Việt Nam	21-0101	2	Nguyễn Đăng Thảo Nguyên	21CVNH1	B4-06	6	Sáng	4	2	—9012345678901—
170	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0102	3	Lê Thị Thu Hiền	21CVNH2	B3-206	7	Sáng	1	3	—9012345678901—
171	31831010	Lịch sử thế giới đại cương	21-0102	3	Đặng Thị Thùy Dương	21CVNH2	B3-306	4	Sáng	1	3	—9012345678901—
172	31831011	Nhập môn Khoa học du lịch	21-0102	3	Trần Thị Mai An	21CVNH2	B3-306	3	Chiều	6	3	—9012345678901—
173	31831424	Lịch sử Việt Nam đại cương	21-0103	3	Đặng Thị Thùy Dương	21CVNH2	B3-306	2	Sáng	1	3	—9012345678901—
174	31831939	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	21-0102	3	Tăng Chánh Tín	21CVNH2	B3-306	3	Sáng	1	3	—9012345678901—
175	31921051	Địa lý Việt Nam	21-0102	2	Nguyễn Đăng Thảo Nguyên	21CVNH2	B3-306	6	Sáng	2	2	—9012345678901—
176	31738001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0101	3	Lê Thị Thu Hiền	21CVNHC	A5-202	5	Sáng	1	3	—9012345678901—
177	31738017	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	21-0101	3	Tăng Chánh Tín	21CVNHC	A5-202	4	Chiều	6	3	—9012345678901—
178	31838002	Nhập môn khoa học du lịch	21-0101	3	Trần Thị Mai An	21CVNHC	A5-202	6	Chiều	6	3	—9012345678901—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
179	31838003	Lịch sử thế giới đại cương	21-0101	3	Nguyễn Văn Sang	21CVNHC	A5-202	6	Sáng	1	3	—————9012345678901—
180	31838015	Lịch sử Việt Nam đại cương	21-0101	3	Nguyễn Duy Phương	21CVNHC	A5-202	5	Chiều	8	3	—————9012345678901—
181	31928001	Địa lý Việt Nam	21-0101	2	Hoàng Thị Diệu Hương	21CVNHC	A5-202	3	Sáng	4	2	—————9012345678901—
182	31821001	Nhập môn khoa học xã hội (Lịch sử-Địa lý)	21-0101	2	Trương Anh Thuận	21SLD	B3-406	3	Chiều	9	2	—————9012345678901—
183	31821008	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	21-0101	2	Trần Thị Mai An	21SLD	B3-301	6	Sáng	4	2	—————9012345678901—
184	31821078	Cơ sở khảo cổ học	21-0101	2	Trương Anh Thuận	21SLD	B3-301	3	Sáng	4	2	—————9012345678901—
185	31831415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	21-0101	3	Lê Thị Mai	21SLD	B3-301	5	Chiều	6	3	—————9012345678901—
186	31831423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	21-0101	3	Trương Anh Thuận	21SLD	B3-301	6	Sáng	1	3	—————9012345678901—
187	31921022	Bản đồ học đại cương	21-0101	2	Nguyễn Thị Diệu	21SLD	B3-301	5	Chiều	9	2	—————9012345678901—
188	31942146	Địa lý tự nhiên đại cương	21-0101	4	Lê Ngọc Hành	21SLD	B3-301	6	Chiều	6	4	—————9012345678901—
189	31831005	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	21-0101	3	Trần Thị Mai An	21SLS	B3-504	3	Sáng	1	3	—————9012345678901—
190	31831006	Li luận khoa học Lịch sử	21-0101	3	Trương Trung Phương	21SLS	B3-205	6	Sáng	3	3	—————9012345678901—
191	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	21-0101	3	Trương Trung Phương	21SLS	B3-304	7	Sáng	3	3	—————9012345678901—
192	31841415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	21-0101	4	Lê Thị Mai	21SLS	B3-504	2	Sáng	2	4	—————9012345678901—
193	31841423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	21-0101	4	Trương Anh Thuận	21SLS	B3-205	6	Chiều	6	4	—————9012345678901—
194	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0104	3	Hoàng Thị Mai Sa	21CDDL	B3-306	4	Chiều	6	3	—————9012345678901—
195	31731993	Xã hội học đại cương	21-0102	3	Trần Ái Vân	21CDDL	B3-406	2	Sáng	1	3	—————9012345678901—
196	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	21-0103	3	Đặng Thị Thủy Dương	21CDDL	B3-206	5	Sáng	1	3	—————9012345678901—
197	31921912	Tổng quan du lịch	21-0101	2	Trương Phước Minh	21CDDL	B3-206	5	Sáng	4	2	—————9012345678901—
198	31931003	Địa lý tự nhiên đại cương	21-0101	3	Lê Ngọc Hành	21CDDL	B3-306	5	Chiều	6	3	—————9012345678901—
199	31931004	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	21-0101	3	Trương Văn Cảnh	21CDDL	B3-306	6	Chiều	6	3	—————9012345678901—
200	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0112	2	Phạm Thị Tú Trinh	21SDL	B4-03	2	Sáng	3	2	—————9012345678901—
201	31821012	Đại cương lịch sử Việt Nam	21-0101	2	Nguyễn Minh Phương	21SDL	A5-406	3	Sáng	1	2	—————9012345678901—
202	31921976	Vật lý cho Địa lý	21-0101	2	Lê Thị Phương Thảo	21SDL	B3-205	5	Chiều	9	2	—————9012345678901—
203	31931022	Bản đồ học đại cương	21-0101	3	Nguyễn Thị Diệu	21SDL	B3-504	3	Chiều	6	3	—————9012345678901—
204	31931050	Trái đất - Thạch quyển	21-0101	3	Lê Ngọc Hành	21SDL	B3-504	6	Sáng	1	3	—————9012345678901—
205	32041719	Tâm lý học giáo dục	21-0112	4	Hoàng Thế Hải	21SDL	B3-504	6	Chiều	6	4	—————9012345678901—
206	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0114	2	Hoàng Thị Mai Sa	21CTL	B3-306	3	Sáng	4	2	—————9012345678901—
207	32021370	Kỹ năng giao tiếp	21-0101	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	21CTL	B3-206	5	Chiều	9	2	—————9012345678901—
208	32021374	Kỹ năng tổ chức hoạt động đội nhóm	21-0101	2	Dương Thị Thu Thủy	21CTL	B3-206	6	Sáng	4	2	—————9012345678901—
209	32021429	Logic học	21-0104	2	Dương Đình Tùng	21CTL	B3-104	6	Chiều	9	2	—————9012345678901—
210	32031011	Tâm lý học đại cương I	21-0101	3	Lê Quang Sơn	21CTL	B3-506	3	Sáng	1	3	—————9012345678901—
211	32031413	Lịch sử tâm lý học	21-0101	3	Bùi Thị Thanh Diệu	21CTL	B3-506	2	Sáng	1	3	—————9012345678901—
1	32041244	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	21-0101	4	Nguyễn Công Thùy Trâm	21CTL	B3-306	5	Sáng	1	4	—————9012345678901—
2	31548220	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	21-0101	4	Nguyễn Công Thùy Trâm	21CTL	A6-501	4	Sáng	1	4	—————9012345678901—
3	31628001	Logic học	21-0101	2	Dương Đình Tùng	21CTL	A5-404B	3	Sáng	4	2	—————9012345678901—
4	31728001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0102	2	Hoàng Thị Mai Sa	21CTL	A6-501	5	Chiều	8	2	—————9012345678901—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
5	32028001	Kỹ năng tổ chức hoạt động đôi nhóm	21-0101	2	Dương Thị Thu Thủy	21CTL	A5-404B	5	Sáng	3	2	—9012345678901—
6	32028020	Kỹ năng giao tiếp	21-0101	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	21CTL	A5-404B	4	Chiều	9	2	—9012345678901—
7	32038002	Lịch sử tâm lý học	21-0101	3	Bùi Thị Thanh Diệu	21CTL	A5-404B	6	Sáng	3	3	—9012345678901—
8	32038003	Tâm lý học đại cương 1	21-0101	3	Lê Quang Sơn	21CTL	A6-501	2	Sáng	1	3	—9012345678901—
9	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	21-0113	2	Hoàng Thị Mai Sa	21CTXH	B3-205	4	Sáng	1	2	—9012345678901—
10	31731993	Xã hội học đại cương	21-0101	3	Hà Văn Hoàng	21CTXH	A1-204	4	Chiều	6	3	—9012345678901—
11	32021045	Thực hành kỹ năng tổ chức hoạt động Đoàn, Hội	21-0101	2	Dương Thị Thu Thủy	21CTXH	B3-304	2	Chiều	9	2	—9012345678901—
12	32031256	Giáo dục học đại cương	21-0101	3	Lê Thị Hiền	21CTXH	B3-205	2	Sáng	1	3	—9012345678901—
13	32031504	Nhập môn công tác xã hội	21-0101	3	Phạm Thị Kiều Duyên	21CTXH	B3-205	2	Chiều	6	3	—9012345678901—
14	32031713	Tâm lý học đại cương	21-0101	3	Nguyễn Thị Bích Hạnh	21CTXH	B3-205	3	Sáng	3	3	—9012345678901—
15	31221033	Tin học cơ sở	21-0101	2	Hồ Ngọc Tú	21STC	A5-305	4	Sáng	1	3	—9012345678901—
16	31521014	Môi trường và phát triển bền vững	21-0102	2	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	21STC	B3-301	4	Sáng	4	2	—9012345678901—
17	32031003	Giáo dục học tiểu học	21-0108	3	Lê Thị Hằng	21STC	B3-204	3	Sáng	3	3	—9012345678901—
18	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	21-0108	4	Bùi Thị Thanh Diệu	21STC	B4-06	6	Chiều	6	4	—9012345678901—
19	32221006	Nhập môn Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học	21-0101	2	Trần Thị Kim Cúc	21STC	A6-502	2	Sáng	4	2	—9012345678901—
20	32221683	Sinh lý học trẻ em	21-0105	2	Nguyễn Công Thủy Trâm	21STC	A1-101	6	Sáng	4	2	—9012345678901—
21	32031003	Giáo dục học tiểu học	21-0101	3	Lê Thị Duyên	21STH1	A6-202	3	Chiều	6	3	—9012345678901—
22	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	21-0101	4	Lê Mỹ Dung	21STH1	A5-403	6	Chiều	6	4	—9012345678901—
23	32221155	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	21-0101	2	Hoàng Nam Hải	21STH1	B3-501	4	Chiều	9	2	—9012345678901—
24	32231028	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	21-0101	3	Lê Sao Mai	21STH1	B3-303	3	Sáng	1	3	—9012345678901—
25	32231088	Cơ sở Toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	21-0101	3	Nguyễn Thanh Hưng	21STH1	B3-501	4	Chiều	6	3	—9012345678901—
26	32241967	Văn học thiếu nhi	21-0101	4	Lê Văn Trung	21STH1	B3-501	5	Chiều	6	4	—9012345678901—
27	32031003	Giáo dục học tiểu học	21-0102	3	Lê Thị Duyên	21STH2	B3-401	3	Sáng	1	3	—9012345678901—
28	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	21-0102	4	Nguyễn Thị Phương Trang	21STH2	B3-401	3	Chiều	6	4	—9012345678901—
29	32221155	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	21-0102	2	Hoàng Nam Hải	21STH2	B3-501	5	Sáng	4	2	—9012345678901—
30	32231028	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	21-0102	3	Lê Sao Mai	21STH2	B3-303	2	Chiều	6	3	—9012345678901—
31	32231088	Cơ sở Toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	21-0102	3	Kiều Mạnh Hùng	21STH2	B3-501	6	Sáng	1	3	—9012345678901—
32	32241967	Văn học thiếu nhi	21-0102	4	Lê Văn Trung	21STH2	B3-501	6	Chiều	6	4	—9012345678901—
33	32031003	Giáo dục học tiểu học	21-0103	3	Lê Thị Duyên	21STH3	B3-401	5	Sáng	1	3	—9012345678901—
34	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	21-0103	4	Bùi Thị Thanh Diệu	21STH3	B3-401	4	Chiều	6	4	—9012345678901—
35	32221155	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	21-0103	2	Nguyễn Thị Thuý Nga	21STH3	B3-301	3	Sáng	2	2	—9012345678901—
36	32231028	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	21-0103	3	Lê Sao Mai	21STH3	B3-103	6	Chiều	6	3	—9012345678901—
37	32231088	Cơ sở Toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	21-0103	3	Nguyễn Văn Thà	21STH3	B3-401	2	Sáng	1	3	—9012345678901—
38	32241967	Văn học thiếu nhi	21-0103	4	Lê Văn Trung	21STH3	B3-401	4	Sáng	1	4	—9012345678901—
39	32031003	Giáo dục học tiểu học	21-0104	3	Bùi Văn Văn	21STH4	B3-401	6	Chiều	6	3	—9012345678901—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
40	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	21-0104	4	Nguyễn Thị Phương Trang	21STH4	B3-103	2	Chiều	6	4	—9012345678901—
41	32221155	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	21-0104	2	Nguyễn Thị Thuý Nga	21STH4	B3-401	3	Sáng	4	2	—9012345678901—
42	32231028	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	21-0104	3	Nguyễn Thị Thanh Ngân	21STH4	B3-303	3	Chiều	6	3	—9012345678901—
43	32231088	Cơ sở Toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	21-0104	3	Vũ Đình Chinh	21STH4	B3-401	5	Chiều	8	3	—9012345678901—
44	32241967	Văn học thiếu nhi	21-0104	4	Lê Văn Trung	21STH4	B3-401	6	Sáng	1	4	—9012345678901—
45	32031003	Giáo dục học tiểu học	21-0105	3	Bùi Văn Vân	21STH5	B3-203	6	Sáng	1	3	—9012345678901—
46	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	21-0105	4	Lê Mỹ Dung	21STH5	B3-303	5	Sáng	2	4	—9012345678901—
47	32221155	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	21-0105	2	Nguyễn Phan Lâm Quyền	21STH5	B4-02	5	Chiều	9	2	—9012345678901—
48	32231028	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	21-0105	3	Nguyễn Thị Thanh Ngân	21STH5	B3-303	4	Chiều	6	3	—9012345678901—
49	32231088	Cơ sở Toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	21-0105	3	Nguyễn Thị Mai Thùy	21STH5	B3-203	5	Chiều	6	3	—9012345678901—
50	32241967	Văn học thiếu nhi	21-0105	4	Phạm Thị Thu Hương	21STH5	B3-501	7	Sáng	1	4	—9012345678901—
51	32031003	Giáo dục học tiểu học	21-0106	3	Bùi Văn Vân	21STH6	B3-103	5	Chiều	6	3	—9012345678901—
52	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	21-0106	4	Nguyễn Thị Phương Trang	21STH6	B3-103	5	Sáng	1	4	—9012345678901—
53	32221155	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	21-0106	2	Hoàng Nam Hải	21STH6	B3-401	2	Chiều	9	2	—9012345678901—
54	32231028	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	21-0106	3	Nguyễn Thị Thanh Ngân	21STH6	B3-303	6	Sáng	1	3	—9012345678901—
55	32231088	Cơ sở Toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	21-0106	3	Nguyễn Thị Mai Thùy	21STH6	B3-203	6	Chiều	6	3	—9012345678901—
56	32241967	Văn học thiếu nhi	21-0106	4	Phạm Thị Thu Hương	21STH6	B3-103	4	Sáng	1	4	—9012345678901—
57	32031003	Giáo dục học tiểu học	21-0107	3	Lê Thị Hằng	21STH7	A5-403	5	Sáng	3	3	—9012345678901—
58	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	21-0107	4	Lê Mỹ Dung	21STH7	B3-303	4	Sáng	2	4	—9012345678901—
59	32221155	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	21-0107	2	Hoàng Nam Hải	21STH7	B3-401	5	Chiều	6	2	—9012345678901—
60	32231028	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	21-0107	3	Nguyễn Thị Thuý Nga	21STH7	B3-203	3	Chiều	6	3	—9012345678901—
61	32231088	Cơ sở Toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	21-0107	3	Lương Văn Tho	21STH7	B3-301	7	Sáng	3	3	—9012345678901—
62	32241967	Văn học thiếu nhi	21-0107	4	Phạm Thị Thu Hương	21STH7	B3-103	6	Sáng	1	4	—9012345678901—
63	31731074	Việt ngữ học cơ sở	21-0101	3	Hồ Trần Ngọc Oanh	21SMN1	B3-206	2	Chiều	8	3	—9012345678901—
64	32041044	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	21-0101	4	Hồ Thị Thuý Hằng	21SMN1	B3-503	4	Chiều	6	4	—9012345678901—
65	32321002	Cơ sở khoa học tự nhiên trong giáo dục mầm non	21-0101	2	Kiều Thị Kinh	21SMN1	B3-401	7	Sáng	4	2	—9012345678901—
66	32321903	Toán cơ sở	21-0102	2	Nguyễn Văn Thà	21SMN1	B3-203	3	Chiều	9	2	—9012345678901—
67	32331687	Sinh lý học trẻ em	21-0101	3	Nguyễn Công Thùy Trâm	21SMN1	B3-401	7	Sáng	1	3	—9012345678901—
68	32341007	Âm nhạc	21-0101	4	Nguyễn Thị Yên	21SMN1	B3-303	2	Sáng	1	4	—9012345678901—
69	31731074	Việt ngữ học cơ sở	21-0102	3	Hồ Trần Ngọc Oanh	21SMN2	B3-506	3	Chiều	6	3	—9012345678901—
70	32041044	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	21-0102	4	Hồ Thị Thuý Hằng	21SMN2	B3-403	6	Chiều	6	4	—9012345678901—
71	32321002	Cơ sở khoa học tự nhiên trong giáo dục mầm non	21-0102	2	Kiều Thị Kinh	21SMN2	B3-203	6	Sáng	4	2	—9012345678901—
72	32321903	Toán cơ sở	21-0103	2	Nguyễn Thị Hà Phương	21SMN2	B4-01	6	Sáng	1	2	—9012345678901—
73	32331687	Sinh lý học trẻ em	21-0102	3	Nguyễn Công Thùy Trâm	21SMN2	B3-503	2	Sáng	1	3	—9012345678901—

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần
												123456789012345678901234
74	32341007	Âm nhạc	21-0102	4	Nguyễn Thị Yên	21SMN2	B3-503	5	Sáng	1	4	—————9012345678901—
75	31731074	Viết ngữ học cơ sở	21-0103	3	Lê Thị Thanh Nhân	21SMN3	B3-403	3	Sáng	3	3	—————9012345678901—
76	32041044	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	21-0103	4	Hồ Thị Thuý Hằng	21SMN3	B3-406	2	Chiều	6	4	—————9012345678901—
77	32321002	Cơ sở khoa học tự nhiên trong giáo dục mầm non	21-0103	2	Kiều Thị Kinh	21SMN3	B3-203	6	Chiều	9	2	—————9012345678901—
78	32321903	Toán cơ sở	21-0104	2	Nguyễn Thị Hà Phương	21SMN3	B3-502	4	Chiều	7	2	—————9012345678901—
79	32331687	Sinh lý học trẻ em	21-0103	3	Nguyễn Công Thủy Trâm	21SMN3	B3-503	6	Sáng	1	3	—————9012345678901—
80	32341007	Âm nhạc	21-0103	4	Nguyễn Thị Yên	21SMN3	B3-503	5	Chiều	6	4	—————9012345678901—

Ghi chú

- Những lớp học phân bổ tri còn thiếu số tiết trong Thời khóa biểu, Giảng viên tự bổ tri dạy bù theo quy định.
- Đối với các học phần thỉnh giảng, mời giảng: các Khoa lập tờ trình (kèm hồ sơ mời giảng theo quy định 2823/QĐ-ĐHĐN) gửi về phòng Đào tạo trong tuần thực học đầu tiên để tổng hợp và trình Lãnh đạo Trường duyệt mới được thực hiện và thanh toán giờ giảng.
- Giảng viên, Sinh viên xem Thời khóa biểu cá nhân tại website: <http://qlht.ued.udn.vn>.

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PGS. TS. Lưu Trang